UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3815 /QĐ-UBND	*Thanh Hoá, ngày 15 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án cải tạo, nâng cấp Xưởng chế biến lâm sản Sông Mã cơ sở 1, sản xuất giấy đế vàng mã công suất 6000 tấn/năm tại xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, của Hợp tác xã Chế biến lâm sản Sông Mã.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật BVMT;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ công văn số 5869/UBND-NN ngày 16/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất giấy, bột giấy trên địa bàn tỉnh.

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án Cải tạo, nâng cấp Xưởng chế biến lâm sản Sông Mã cơ sở 1, sản xuất giấy đế vàng mã công suất 6000 tấn/năm, tại xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa tại báo cáo kết quả thẩm định ngày 28/04/2020; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 38/CV-MT ngày 26/8/2020 của Hợp tác xã chế biến lâm sản Sông Mã;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 866/Tr-STNMT ngày 10/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Cải tạo, nâng cấp Xưởng chế biến lâm sản Sông Mã cơ sở 1, sản xuất giấy đế vàng mã công suất 6000 tấn/năm (sau đây gọi là dự án) của HTX Chế biến lâm sản Sông

Mã (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

3. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa, Chủ nhiệm Hợp tác xã Chế biến lâm sản Sông Mã chế biến lâm sản Sông Mã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Dự án Cải tạo, nâng cấp Xưởng chế biến lâm sản Sông Mã cơ sở 1, sản xuất giấy đế vàng mã công suất 6000 tấn/năm, tại xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, của HTX chế biến lâm sản Sông Mã

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin chung dự án:

Dự án Cải tạo, nâng cấp Xưởng chế biến lâm sản Sông Mã cơ sở 1, sản xuất giấy đế vàng mã công suất 6000 tấn/năm, tại xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Chủ đầu tư: HTX chế biến lâm sản Sông Mã

+ Người đại diện: Lê Văn Bình

+ Chức vụ: Giám đốc .

+ Địa chỉ: Bản Cang, xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

+ Số điện thoại: 0989713111

- Phạm vi, Quy mô, công suất dự án:

+ Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng: Dự án được đầu tư xây dựng có quy mô diện tích là 18.221,36 m^2, bao gồm các hạng mục: Nhà xưởng xeo giấy, nhà điều hành văn phòng; khu ngâm ủ nguyên liệu, nhà bảo vệ, và các công trình phụ trợ khác.

+ Công suất sản xuất của dự án: Công suất của dự án là sản suất giấy đế vàng mã 6000 tấn sản phẩm/năm.

2. Các tác động môi trường chính trong giai đoạn vận hành của dự án

* Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 5,7 m^3/ngày, trong đó: Nước thải nhà vệ sinh khoảng 2,6 m^3/ngày; nước thải rửa tay chân khoảng 3,1 m^3/ngày.

+Thành phần nước thải gồm: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, Coliform.

- Nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất có lưu lượng lớn nhất là 757 m^3/ngày. Trong đó: Nước thải dịch đen (từ hoạt động ngâm ủ nguyên liệu) là 36 m^3/ngày, thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu là dịch lignin, nồng độ COD, BOD, TSS; Nước thải xeo giấy, rửa nguyên liệu là 721 m^3/ngày, thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu là xơ sợi, hemixenlulo ...

- Nước mưa chảy tràn khu vực bãi nguyên liệu là 41 m^3/ngày mưa lớn nhất, thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu là lignin, hemixenlulo ...

* Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình phương tiện ra vào dự án; hoạt động sản xuất; hoạt động của hệ thống XLNT tập trung, khí thải lò sấy, khí thải trong quá trình ủ, xeo giấy,... thành phần chủ yếu là bụi, SO_2; NO_x; CO,...

* Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: chất thải rắn thông thường phát sinh khoảng 10 kg/ngày chủ yếu là nhựa, giấy, bìa catton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...;

- Chất thải rắn sản xuất: Xỉ từ quá trình đốt lò sấy khoảng 1,25 tấn/ngày;

- Bùn thải từ hệ thống XLNT khoảng 4,6 tấn/tháng.

* Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải rắn nguy hại phát sinh chủ yếu gồm:

- Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa,.... khối lượng khoảng 5 kg/tháng.

- Vỏ bao bì hóa chất có khối lượng phát sinh khoảng 20kg/tháng.

Chất thải lỏng nguy hại là dầu thải từ thay dầu các thiết bị với lượng 96lít/năm.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành của dự án

3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải

** Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:*

- Nước mưa chảy tràn các khu vực (trừ khu vực bãi nguyên liệu) được thu gom bằng hệ thống mương thu gom nước mưa có kích thước Rộng x Cao = 30cm x 30cm, các hố ga (kích thước 80cm x 80cm x 80cm), được bố trí xung quanh các khu nhà xưởng, tổng chiều dài hệ thống thoát nước mưa L = 350m.

- Nước mưa chảy tràn khu vực bãi nguyên liệu được thu gom bằng hệ thống mương thu gom nước mưa có kích thước Rộng x Cao = 20cm x 20cm xung quanh các bãi nguyên liệu và dẫn về bể chứa nước mưa bãi nguyên liệu. Xây dựng 3 bể chứa nước mưa chảy tràn bãi nguyên liệu, mỗi bể 18m^3, kích thước xây dựng rộng 2m, dài 3m, sâu 3m cạnh các bãi chứa nguyên liệu của 3 cụm sản xuất. Nước mưa chảy tràn bãi nguyên liệu được thu gom và xử lý cùng nước thải sản xuất bằng hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

** Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:*

- *Nước thải phát sinh do quá trình rửa chân tay:* Có lưu lượng 3,1 m^3/ngày.đêm, được thu gom qua 3 bể lắng, thể tích mỗi bể 1,5m^3 (kích thước 1x1x1,5m) sau đó được thoát ra hệ thống mương thoát nước khu vực.

- *Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện):* Có lưu lượng 2,6m^3/ngày.đêm được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn. Gồm 06 bể tự hoại loại 3 ngăn, mỗi bể có thể tích 9m^3/bể, kích thước (3m **x** 1,8m **x** 1,8m)). Nước thải sau bể tự hoại được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

** Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sản xuất:*

- Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất: Dòng nước thải này sẽ được dẫn về các bể thu gom qua hệ thống song chắn rác, lưới lọc để loại bỏ rác thô và rác tinh sau đó được bơm về 2 hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án có công suất xử lý lần lượt là 800m^3/ngày.đêm và 200m^3/ngày.đêm để xử lý. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải:

Nước dịch đen → Bể chứa dịch đen → Bể phản ứng dịch đen → Bể lắng
↓

Nước xeo giấy, nước thải sau bể tự hoại → Bể gom nước thải xeo giấy, nước thải dịch đen (sau phản ứng + lắng) → Bể điều hòa → Bể hiếu khí → Bể keo tụ → Bể lắng 1 → Bể lắng 2 → Bể sục khí kết hợp oxy hóa nâng cao → Bể chứa nước tuần hoàn tái sử dụng.

Bảng tổng hợp kích thước các bể của Hệ thống XLNT tập trung

STT	Công trình trong Hệ thống XLNT tập trung	HT xử lý số 1 công suất 800m^3/ngày.đêm (m^3)	HT xử lý số 2 công suất 200m^3/ngày.đêm (m^3)
1	Bể phản ứng xử lý dịch đen	1	0,3
2	Bể lắng nước thải dịch đen	18,75	7,5
3	Bể điều hòa	75	18
4	Bể hiếu khí	120	27
6	Bể phản ứng keo tụ, tạo bông	12 (chia làm 3 ngăn)	4 (chia làm 3 ngăn)
7	Bể lắng 1	120	36
8	Bể lắng 2	120	36
5	Bể chứa bùn	54 (chia làm 2 ngăn)	24(chia làm 2 ngăn)
9	Bể oxy hóa nâng cao	36	12
10	Bể chứa nước tuần hoàn	1050 (các bể của HTXL nước thải cũ)	1050 (các bể của HTXL nước thải cũ)

- Xây dựng bổ sung hồ sự cố 1 có dung tích đủ chứa nước thải sản xuất của của hệ thống xử lý nước thải số 1 trong 2 ngày. Thể tích hồ sự cố 1 là 1600m^3, kích thước xây dựng: rộng 16m dài 30m độ sâu 3,5m. Hồ được lót bạt HDPE chống thấm dày 10mm toàn bộ đáy và thành hồ chứa, được xây kè tường bảo vệ xung quanh cao 0,8m. Vị trí xây dựng tại khu vực trung tâm cụm sản xuất số 2. Khoảng cách từ hồ sự cố 1 đến ranh giới bờ sông Mã là 25m.

- Xây dựng bổ sung hồ sự cố 2 có dung tích đủ chứa nước thải sản xuất của của hệ thống xử lý nước thải số 2 trong 2 ngày. Thể tích hồ sự cố 2 là 400m^3, kích thước xây dựng: rộng 8m dài 15m độ sâu 3,5m. Hồ được lót bạt HDPE chống thấm dày 10mm toàn bộ đáy và thành hồ chứa, được xây kè tường bảo vệ xung quanh cao 0,8m. Vị trí xây dựng tại khu vực cạnh hệ thống XLNT số 2 . Khoảng cách từ hồ sự cố 2 đến ranh giới bờ sông Mã là 35m.

3.2. Về bụi, khí thải:

- Thường xuyên vệ sinh khu vực sân, đường nội bộ trong nhà máy; vào những ngày nắng nóng, hanh khô thực hiện phun nước trên tuyến đường nội bộ của nhà máy, để giảm thiểu bụi đường cuốn theo phương tiện vận chuyển; Các phương tiện vận chuyển khi tham gia giao thông phải có giấy đăng kiểm; trồng cây xanh dọc tuyến đường nội bộ trong khu vực dự án, các loại cây trồng là

những cây có tán rộng như sao đen, lát.

- Khí thải lò sấy giấy được thu gom bằng chụp hút và thoát qua ống khói đường kính 30cm, cao 15m ra môi trường.

+ Lắp đặt lá chắn tại miệng ra của máy băm, lá chắn được điều chỉnh hướng thẳng xuống bể chứa nguyên liệu sao cho nguyên liệu sau băm được phụt thẳng xuống bể ngâm.

- Trang bị bảo hộ lao động gồm quần áo bảo hộ lao động, khẩu trang, kính mắt, mũ, ủng, gang tay... cho công nhân nhà máy.

- Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải có nắp bê tông che đậy kín tránh sự phát tán mùi hôi.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nạo vét định kỳ tránh tình trạng tắc nghẽn, vỡ đường ống làm phát sinh mùi hôi thối.

- Bùn cặn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải…. định kỳ Hợp đồng với đơn vị thu gom chất thải địa phương thu gom và chuyển xử lý.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

** Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt*

Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào các thùng rác 100l có nắp đậy và hợp đồng với Tổ dịch vụ môi trường bản Cang xã Phú Nghiêm thu gom về khu xử lý chung của xã Phú Nghiêm với tần xuất 2 ngày/lần.

** Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sản xuất*

+ Xỉ từ lò đốt: Tro từ quá trình đốt củi sau khi lấy khỏi lò sấy được tưới nước làm ẩm sau đó thu gom về các bể chứa có kích thước 3x4m, cho công nhân nhà máy, người dân địa phương sử dụng làm phân bón, cam kết sử dụng đúng mục đích và không gây ô nhiễm môi trường.

+ Bùn thải từ hệ thống XLNT tập trung: Được đơn vị thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh tại dự án được thu gom và phân loại ngay tại nguồn sau đó đưa về nhà kho lưu chất thải nguy hại có diện tích 20m^2. Trang bị 3 thùng lưu chứa 200 lít có nắp đậy, có dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại đặt tại nhà kho lưu chất thải nguy hại;

Vỏ thùng đựng hóa chất được thu gom và lưu giữ tại nhà kho lưu giữ CTNH sau đó trả lại cho đơn vị cung cấp theo hợp đồng kinh tế.

Các chất thải khác được Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng là Công ty Cổ phần Môi trường Nghi Sơn, để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật**.**

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

4.1. Giám sát khí thải:

- Các vị trí giám sát:

+ OK1: Mẫu khí thải tại ống thoát khí lò sấy số 2.

+ OK2: Mẫu khí thải tại ống thoát khí lò sấy số 5.

+ OK3: Mẫu khí thải tại ống thoát khí lò sấy số 8.

- Chỉ tiêu giám sát: vi khí hậu, tiếng ồn, bụi tổng, SO_2, NO_2, CO, H_2S,…

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19: 2009/BTNMT (cột B, Kv =1,4) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ.

- Tuần suất giám sát: 3 tháng/ 1 lần

4.2. Giám sát nước thải.

- Các vị trí giám sát:

+ NT1 Mẫu nước đầu vào tại bể điều hòa HTXLNT số 1;

+ NT2: Mẫu nước thải tại bể chứa nước thải tuần hoàn HTXLNT số 1;

+ NT3 Mẫu nước đầu vào tại bể điều hòa HTXLNT số 2;

+ NT4: Mẫu nước thải tại bể chứa nước thải tuần hoàn HTXLNT số 2;

- Chỉ tiêu giám sát: pH, TSS, BOD_5, COD, Độ màu.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 12-MT:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy (cột B3 cơ sở sản xuất giấy và bột giấy) với hệ số Kq = 1.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/ 1 lần

4.3. Giám sát bùn thải:

- Các vị trí giám sát:

+ BT1: Mẫu bùn thải tại bể chứa bùn HTXLNT số 1

+ BT2: Mẫu bùn thải tại bể chứa bùn HTXLNT số 2

- Thông số giám sát: As, Cd, Pb, Zn, Ni, Se, Hg, Cr, Tổng Xyanua (CN), Tổng dầu, phenol, benzen, D50;

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

- Tần suất giám sát: 1 năm/1 lần;